

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2018.F.1 (2018-2022)

Khoa Sư phạm tiếng Anh & Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa các nước nói tiếng Anh

Ngành: Sư phạm Tiếng Anh Chất lượng cao

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	HP tiên quyết
		Giáo dục an ninh quốc phòng	8	
		Giáo dục thể chất	4	
		Kỹ năng mềm	3	

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký học và tích lũy vào bất kỳ học kỳ nào trong 8 học kỳ của khóa học)				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	HP tiên quyết
1	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	
2	PHI1004	Ng. lý CB của CN Mác Lênin 1	2	
3	PHI1005	Ng. lý CB của CN Mác Lênin 2	3	PHI1004
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	PHI1005
5	HIS1002	Đg lối lãnh đạo của ĐCSVN	3	POL1001
Tổng tín chỉ tích lũy			13	

CÁC HP THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

NĂM HỌC 2018-2019

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
6	HIS1052	Cơ sở VH Việt Nam	3	3
7	ENG4021*	Tiếng Anh 1A*	4	8
8	ENG4022*	Tiếng Anh 1B*	4	8
9		Ngoại ngữ cơ sở 1	4	4
Cộng			15	23

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
10	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
11	ENG4023*	Tiếng Anh 2A*	4	8
12	ENG4024*	Tiếng Anh 2B*	4	8
13		Ngoại ngữ cơ sở 2	5	5
Cộng			16	24

NĂM HỌC 2019-2020

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
14	ENG4025*	Tiếng Anh 3A*	4	8
15	ENG4026*	Tiếng Anh 3B*	4	8
16	ENG4027B*	Tiếng Anh 3C*	3	5
17		Ngoại ngữ cơ sở 3	5	5
18		HP tự chọn (Khối III.2)	2	2
	VLF1053	Tiếng Việt thực hành	2	2
	PHI1051	Logic học đại cương	2	2
	FLF1001	Cảm thụ nghệ thuật	2	2
Cộng			16-18	26-28

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
19	ENG4028*	Tiếng Anh 4A*	4	8
20	ENG4029*	Tiếng Anh 4B*	4	8
21	ENG4030B*	Tiếng Anh 4C*	4	5
22		Ngoại ngữ cơ sở 4***	5	5
23	PSF3007	Tâm lý học	3	3
		HP tự chọn (Khối III.2)	2	2
	FLF1003	Tư duy phê phán	2	2
24-25		HP tự chọn (Khối II)	6	6
	ENG1001	Địa lý đại cương	3	3
	MAT1078	Thống kê cho KH XH	2	2
	MAT1092	Toán cao cấp	4	4
	ENG1002	Môi trường và phát triển	3	3
	MAT1101	Xác suất thống kê (Phải tích lũy xong HP Toán cao cấp)	3	3
Cộng			20-26	29-35

NĂM HỌC 2020-2021

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
26	PSF3008	Giáo dục học	3	3
27	ENG3047*	Lý luận giảng dạy tiếng Anh*	3	3
28	ENG2055*	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1*	3	3
29	ENG2052*	Đất nước học Anh - Mỹ*	3	3
30	ENG2054*	Giao tiếp liên văn hóa *	3	3
31	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học**	3	3
		HP tự chọn (Khối III.2)	2	2
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2
Cộng			18-20	18-20

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
	ENG4030B*	Tiếng Anh 4C (Chọn học kỳ 4 hoặc 6)	4	5
32	PSF3006	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục	2	2
33	ENG3065**	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh**	4	4
34	ENG2056*	Ngôn ngữ học tiếng Anh 2*	3	3
35-37		HP tự chọn (IV.1.2)	9	9
	ENG2060	Phân tích diễn ngôn	3	3
	ENG2053	Văn học CNN tiếng Anh	3	3
	ENG2059	Ngữ pháp chức năng	3	3
	ENG2086	Các chủ đề trong đất nước học Mỹ	3	3
(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối IV.1.2 ở HK6 và 7)				
38-42		HP tự chọn (V.2)	15	15
	PSF3009	Tâm lý học giảng dạy tiếng nước ngoài	3	3
	ENG3068*	Thiết kế giáo án và phát triển tài liệu*	3	3
	ENG3050	Một số vấn đề về dạy tiếng Anh như một ngôn ngữ quốc tế	3	3
(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối V.2 ở HK 6 và 7)				
Cộng			9-37	9-38

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2018.F.1 (2018-2022)

Khoa Sư phạm tiếng Anh & Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa các nước nói tiếng Anh

Ngành: Ngôn ngữ Anh Chất lượng cao

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	HP tiên quyết
		Giáo dục an ninh quốc phòng	8	
		Giáo dục thể chất	4	
		Kỹ năng mềm	3	

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký học và tích lũy vào bất kỳ học kỳ nào trong 8 học kỳ của khóa học)				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	HP tiên quyết
1	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	
2	PHI1004	Ng.lý CB của CN Mác Lênin 1	2	
3	PHI1005	Ng.lý CB của CN Mác Lênin 2	3	PHI1004
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	PHI1005
5	HIS1002	Đg lối lãnh đạo của ĐCSVN	3	POL1001
Tổng tín chỉ tích lũy			13	

CÁC HP THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

NĂM HỌC 2018-2019

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
6	HIS1052	Cơ sở VH Việt Nam	3	3
7	ENG4021*	Tiếng Anh 1A*	4	8
8	ENG4022*	Tiếng Anh 1B*	4	8
9		Ngoại ngữ cơ sở 1	4	4
		Cộng	15	23

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
10	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
11	ENG4023*	Tiếng Anh 2A*	4	8
12	ENG4024*	Tiếng Anh 2B*	4	8
13		Ngoại ngữ cơ sở 2	5	5
		Cộng	16	24

NĂM HỌC 2019- 2020

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
14	ENG4025*	Tiếng Anh 3A*	4	8
15	ENG4027B	Tiếng Anh 3B*	4	8
16	ENG4027B*	Tiếng Anh 3C*	3	5
17		Ngoại ngữ cơ sở 3	5	5
18		HP tự chọn 1 (Khối III.2)	2	2
	VLF1053	Tiếng Việt thực hành	2	2
	PHI1051	Logic học đại cương	2	2
	FLF1001	Cảm thụ nghệ thuật	2	2
<i>(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối III ở HK3 HK4 hoặc HK5)</i>				
		Cộng	16-18	26-28

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
19	ENG4028*	Tiếng Anh 4A*	4	8
20	ENG4029*	Tiếng Anh 4B*	4	8
21	ENG4030B*	Tiếng Anh 4C*	4	5
22		Ngoại ngữ cơ sở 4***	5	5
		HP tự chọn (Khối III.2)	2	2
	FLF1003	Tư duy phê phán	2	2
23-24		HP tự chọn (Khối II)	6	6
	ENG1001	Địa lý đại cương	3	3
	MAT1078	Thông kê cho KH XH	2	2
	MAT1092	Toán cao cấp	4	4
	ENG1002	Môi trường và phát triển	3	3
	MAT1101	Xác suất thống kê (Phải tích lũy xong HP Toán cao cấp)	3	3
		Cộng	13-25	21-34

NĂM HỌC 2020-2021

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
25	ENG2055*	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1*	3	3
26	ENG3030*	Biên dịch *	3	3
27	ENG2054*	Giao tiếp liên văn hóa*	3	3
28	ENG2052*	Đất nước học Anh - Mỹ*	3	3
29	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học**	3	3
30	ENG3062*	Phiên dịch*	3	3
		HP tự chọn (Khối III.2)	2	2
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2
31-32		HP tự chọn (V.2.2)	6	6
	ENG3072	Tiếng Anh kinh tế	3	3
	ENG3071	Tiếng Anh giao tiếp trong kinh doanh	3	3
<i>(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối V.1.2 ở HK 5 hoặc/ và 6)</i>				
		Cộng	18-26	18-26

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
	ENG4030B*	Tiếng Anh 4C (Chọn học kỳ 4 hoặc 6)	4	5
33	ENG2056*	Ngôn ngữ học tiếng Anh 2*	3	3
34	ENG3049*	Lý thuyết dịch*	3	3
35	ENG3006*	Biên dịch nâng cao*	3	3
36	ENG3064*	Phiên dịch nâng cao*	3	3
37-39		HP tự chọn (IV.1.2)	9	9
	ENG2060	Phân tích diễn ngôn	3	3
	ENG2053	Văn học CNN tiếng Anh	3	3
	ENG2059	Ngữ pháp chức năng	3	3
	ENG2086	Các chủ đề trong đất nước học Mỹ	3	3
<i>(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối V.1.2 ở HK 6 hoặc/ và 7)</i>				
		HP tự chọn (V.2.2)	6	6
	ENG3073	Tiếng Anh Tài chính-Ngân hàng	3	3
	ENG3070	Tiếng Anh Du lịch	3	3
		Cộng	12-31	12-32

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2018.F.1 (2018-2022)

Khoa Sư phạm tiếng Anh & Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa các nước nói tiếng Anh

Ngành: Sư phạm Tiếng Anh

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	HP tiên quyết
		Giáo dục an ninh quốc phòng	8	
		Giáo dục thể chất	4	
		Kỹ năng bổ trợ	3	

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký học và tích lũy vào bất kỳ học kỳ nào trong 8 học kỳ của khóa học)				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	HP tiên quyết
1	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	
2	PHI1004	Ng. lý CB của CN Mác Lênin 1	2	
3	PHI1005	Ng. lý CB của CN Mác Lênin 2	3	PHI1004
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	PHI1005
5	HIS1002	Đg lối lãnh đạo của ĐCSVN	3	POL1001
Tổng tín chỉ tích lũy			13	

CÁC HP THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

NĂM HỌC 2018 -2019

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
6	HIS1052	Cơ sở VH Việt Nam	3	3
7	ENG4021	Tiếng Anh 1A	4	8
8	ENG4022	Tiếng Anh 1B	4	8
9		Ngoại ngữ cơ sở 1	4	4
		Cộng	15	23

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
10	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
11	ENG4023	Tiếng Anh 2A	4	8
12	ENG4024	Tiếng Anh 2B	4	8
13		Ngoại ngữ cơ sở 2	5	5
		Cộng	16	24

NĂM HỌC 2019-2020

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
14	ENG4025	Tiếng Anh 3A	4	8
15	ENG4026	Tiếng Anh 3B	4	8
16	ENG4027B	Tiếng Anh 3C	3	5
17		Ngoại ngữ cơ sở 3	5	5
18		HP tự chọn (Khối III.2)	2	2
	VLF1053	Tiếng Việt thực hành	2	2
	PHI1051	Logic học đại cương	2	2
	FLF1001	Cảm thụ nghệ thuật	2	2
<i>(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối III ở HK3, HK4 hoặc HK5)</i>				
		Cộng	16-18	26-28

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
19	ENG4028	Tiếng Anh 4A	4	8
20	ENG4029	Tiếng Anh 4B	4	8
21	ENG4030B	Tiếng Anh 4C (Chọn học kỳ 4 hoặc 6)	4	5
22	PSF3007	Tâm lý học	3	3
		HP tự chọn (Khối III.2)	2	2
	FLF1003	Tư duy phê phán	2	2
23-24		HP tự chọn (Khối II)	6	6
	ENG1001	Địa lý đại cương	3	3
	MAT1078	Thông kê cho KH XH	2	2
	MAT1092	Toán cao cấp	4	4
	ENG1002	Môi trường và phát triển	3	3
	MAT1101	Xác suất thống kê (Phải tích lũy xong HP Toán cao cấp)	3	3
		Cộng	11-23	19-27

NĂM HỌC 2020-2021

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
25	PSF3008	Giáo dục học	3	3
26	ENG3047	Lý luận giảng dạy tiếng Anh	3	3
27	ENG2055	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1	3	3
28	ENG2054	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
29	ENG2052	Đất nước học Anh - Mỹ	3	3
		HP tự chọn (Khối III.2)	2	2
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2
<i>(Sinh viên đã tích lũy đủ HP tự chọn thuộc khối III.2 ở HK3 sẽ không tích lũy ở HK5)</i>				
		Cộng	15-17	15-17

Học Kỳ 6					
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần	
		ENG4030B	Tiếng Anh 4C (Chọn học kỳ 4 hoặc 6)	4	5
30	PSF3006	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục	2	2	
31	ENG3065	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	3	3	
32	ENG2056	Ngôn ngữ học tiếng Anh 2	3	3	
33-34		HP tự chọn (IV.1.2)	6	6	
	ENG2060	Phân tích diễn ngôn	3	3	
	ENG2053	Văn học CNN tiếng Anh	3	3	
	ENG2059	Ngữ pháp chức năng	3	3	
<i>(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối V.1.2 ở HK6 hoặc/ và 7)</i>					
35-38		HP tự chọn (V.2)	12	12	
	PSF3009	Tâm lý học giảng dạy tiếng nước ngoài	3	3	
	ENG3068	Thiết kế giáo án và phát triển tài liệu	3	3	
	ENG3050	Một số vấn đề về dạy tiếng Anh như một ngôn ngữ quốc tế	3	3	
<i>(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối V.2 ở HK6 và 7)</i>					
		Cộng	8-30	8-31	

NĂM HỌC 2021-2022

Học Kỳ 7				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
38	ENG3032	Nghiệp vụ biên/phiên dịch	3	3
		HP tự chọn (V.2.2)	9	9
	ENG3063	Phiên dịch chuyên ngành	3	3
	ENG3031	Biên dịch chuyên ngành	3	3
	ENG3061	Đánh giá chất lượng bản dịch	3	3
	ENG3055	Ngôn ngữ và truyền thông	3	3
	ENG3029	Báo chí trực tuyến	3	3
		HP tự chọn (IV.1.2)	6	6
	ENG2057	Ngữ dụng học tiếng Anh	3	3
	ENG3074	Tiếng Anh toàn cầu	3	3
	ENG3056	Ngôn ngữ, văn hóa và xã hội	3	3
<i>(Sinh viên đã tích lũy đủ HP tự chọn thuộc khối IIV.1.2 và V.2.2 ở HK6 sẽ không tích lũy ở HK7)</i>				
		Cộng	3-18	3-18

Học Kỳ 8				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
39	ENG4001	Thực tập	3	3
40/841	ENG4051	Khóa luận Tốt nghiệp hoặc học 2 HP tự chọn trong số khối IV, V	6	6
		Các HP học thay thế KLTN		
	ENG3031	Biên dịch chuyên ngành	3	3
	ENG3061	Đánh giá chất lượng bản dịch	3	3
		Cộng	9	9

Tổng số tín chỉ toàn khóa:

KT. TRƯỞNG KHOA SỰ PHẠM T.ANH

PHÓ TRƯỞNG KHOA

(Đã kí)

Phùng Thị Kim Dung

134

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã kí)

Nguyễn Thúy Lan

Hà Nội, ngày 27 tháng 04 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

(Đã kí)

Đỗ Tuấn Minh

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2018.F.1 (2018-2022)

Khoa Sư phạm tiếng Anh & Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa các nước nói tiếng Anh

Ngành: Ngôn ngữ Anh - Định hướng Quản trị học

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	HP tiên quyết
		Giáo dục an ninh quốc phòng	8	
		Giáo dục thể chất	4	
		Kỹ năng mềm	3	

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký học và tích lũy vào bất kỳ học kỳ nào trong 8 học kỳ của khóa học)				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	HP tiên quyết
1	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	
2	PHI1004	Ng.lý CB của CN Mác Lênin 1	2	
3	PHI1005	Ng.lý CB của CN Mác Lênin 2	3	PHI1004
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	PHI1005
5	HIS1002	Đg lối lãnh đạo của ĐCSVN	3	POL1001
Tổng tín chỉ tích lũy			13	

CÁC HP THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

NĂM HỌC 2018-2019

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
6	HIS1052	Cơ sở VH Việt Nam	3	3
7	ENG4021	Tiếng Anh 1A	4	8
8	ENG4022	Tiếng Anh 1B	4	8
9		Ngoại ngữ cơ sở 1	4	4
		Cộng	15	23

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
10	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
11	ENG4023	Tiếng Anh 2A	4	8
12	ENG4024	Tiếng Anh 2B	4	8
13		Ngoại ngữ cơ sở 2	5	5
		Cộng	16	24

NĂM HỌC 2019-2020

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
14	ENG4025	Tiếng Anh 3A	4	8
15	ENG4026	Tiếng Anh 3B	4	8
16	ENG4027B	Tiếng Anh 3C	3	5
17		Ngoại ngữ cơ sở 3	5	5
18		HP tự chọn (Khối III.2)	2	2
	FLF1003	Tư duy phê phán	2	2
	VLF1053	Tiếng Việt thực hành	2	2
	PHI1051	Logic học đại cương	2	2
	FLF1001	Cảm thụ nghệ thuật	2	2
<i>(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối III ở HK3 hoặc 5)</i>				
		Cộng	16-18	26-28

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
19	ENG4028	Tiếng Anh 4A	4	8
20	ENG4029	Tiếng Anh 4B	4	8
21	ENG4030B	Tiếng Anh 4C (Chọn học kỳ 4 hoặc 6)	4	5
22-23		HP tự chọn (Khối II)	6	6
	ENG1001	Địa lý đại cương	3	3
	MAT1078	Thống kê cho KH XH	2	2
	MAT1092	Toán cao cấp	4	4
	ENG1002	Môi trường và phát triển	3	3
	MAT1101	Xác suất thống kê (Phải tích lũy xong HP Toán cao cấp)	3	3
		Cộng	8-18	16-27

NĂM HỌC 2020-2021

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
24	ENG2055	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1	3	3
25	ENG2052	Đất nước học Anh - Mỹ	3	3
26	ENG2054	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
27	ENG3030	Biên dịch	3	3
28	ENG3079	Quản lý dự án	3	3
		HP tự chọn (Khối III.2)	2	2
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2
<i>(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối III ở HK3 hoặc 5)</i>				
		Cộng	15-17	15-17

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
	ENG4030B	Tiếng Anh 4C (Chọn học kỳ 4 hoặc 6)	4	5
29	ENG3062	Phiên dịch	3	3
30	ENG2056	Ngôn ngữ học tiếng Anh 2	3	3
31	ENG3055	Ngôn ngữ và truyền thông	3	3
32-33		HP tự chọn (IV.1.2)	6	6
	ENG2060	Phân tích diễn ngôn	3	3
	ENG2053	Văn học CNN tiếng Anh	3	3
	ENG2059	Ngữ pháp chức năng	3	3
<i>(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối IV.1.2 ở HK6 hoặc 7)</i>				
34-36		HP tự chọn (V.1.2)	9	9
	ENG3072	Tiếng Anh kinh tế	3	3
	ENG3073	Tiếng Anh Tài chính-Ngân hàng	3	3
	ENG3070	Tiếng Anh Du lịch	3	3
	ENG3071	Tiếng Anh giao tiếp trong kinh doanh	3	3
	ENG3029	Báo chí trực tuyến	3	3
	ENG3038	Công nghệ trong quản lý dự án	3	3
	ENG3052	Kỹ năng giao tiếp	3	3
<i>(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối V.1.2 ở HK6 hoặc 7)</i>				
		Cộng	9-28	9-29

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2018.F.1 (2018-2022)

Khoa Sư phạm tiếng Anh & Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa các nước nói tiếng Anh

Ngành: Ngôn ngữ Anh - Định hướng Ngôn ngữ học ứng dụng

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	HP tiên quyết
		Giáo dục an ninh quốc phòng	8	
		Giáo dục thể chất	4	
		Kỹ năng mềm	3	

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký học và tích lũy vào bất kỳ học kỳ nào trong 8 học kỳ của khóa học)				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	HP tiên quyết
1	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	
2	PHI1004	Ng.lý CB của CN Mác Lênin 1	2	
3	PHI1005	Ng.lý CB của CN Mác Lênin 2	3	PHI1004
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	PHI1005
5	HIS1002	Đg lối lãnh đạo của ĐCSVN	3	POL1001
Tổng tín chỉ tích lũy			13	

CÁC HP THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

NĂM HỌC 2018-2019

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
6	HIS1052	Cơ sở VH Việt Nam	3	3
7	ENG4021	Tiếng Anh 1A	4	8
8	ENG4022	Tiếng Anh 1B	4	8
9		Ngoại ngữ cơ sở 1	4	4
		Cộng	15	23

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
10	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
11	ENG4023	Tiếng Anh 2A	4	8
12	ENG4024	Tiếng Anh 2B	4	8
13		Ngoại ngữ cơ sở 2	5	5
		Cộng	16	24

NĂM HỌC 2019-2020

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
14	ENG4025	Tiếng Anh 3A	4	8
15	ENG4026	Tiếng Anh 3B	4	8
16	ENG4027B	Tiếng Anh 3C	3	5
17		Ngoại ngữ cơ sở 3	5	5
18		HP tự chọn (Khối III.2)	2	2
	FLF1003	Tư duy phê phán	2	2
	VLF1053	Tiếng Việt thực hành	2	2
	PHI1051	Logic học đại cương	2	2
	FLF1001	Cảm thụ nghệ thuật	2	2
<i>(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối III ở HK 3 hoặc 5)</i>				
		Cộng	16-18	22-24

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
19	ENG4028	Tiếng Anh 4A	4	8
20	ENG4029	Tiếng Anh 4B	4	8
221	ENG4030B	Tiếng Anh 4C (Chọn học kỳ 4 hoặc 6)	4	5
22-23		HP tự chọn 2&3 (Khối II)	6	6
	ENG1001	Địa lý đại cương	3	3
	MAT1078	Thống kê cho KH XH	2	2
	MAT1092	Toán cao cấp	4	4
	ENG1002	Môi trường và phát triển	3	3
	MAT1101	Xác suất thống kê (Phải tích lũy xong HP Toán cao cấp)	3	3
		Cộng	8-18	16-27

NĂM HỌC 2020-2021

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
24	ENG2055	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1	3	3
25	ENG2052	Đất nước học Anh - Mỹ	3	3
26	ENG2054	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
		HP tự chọn (Khối III.2)	2	2
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2
<i>(Sinh viên đã tích lũy đủ HP tự chọn thuộc khối III ở HK3 sẽ không tích lũy ở HK5)</i>				
27		HP tự chọn (V.3.2.2)	3	3
	ENG3030	Biên dịch	3	3
	ENG3062	Phiên dịch	3	3
		Cộng	9-14	9-14

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
	ENG4030B	Tiếng Anh 4C (Chọn học kỳ 4 hoặc 6)	4	5
28	ENG2056	Ngôn ngữ học tiếng Anh 2	3	3
29	ENG3027	Âm vị học	3	3
30	ENG3039	Cú pháp học	3	3
31	ENG2060	Phân tích điển ngôn	3	3
		HP tự chọn (IV.1.2)	6	6
	ENG2053	Văn học CNN tiếng Anh	3	3
<i>(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối IV.1.2 ở HK 6 hoặc 7)</i>				
		HP tự chọn (V.3.2.2)	3	3
	ENG3055	Ngôn ngữ và truyền thông	3	3
	ENG3077	Văn học và giao tiếp	3	3
<i>(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối V.3.2.2 ở HK 6 hoặc 7)</i>				
		Cộng	12-25	12-26



